

INTERNATIONALIZATION OF HIGHER EDUCATION IN VIETNAM: CONCEPTS AND REASONS?

Nguyen Thi Huyen Trang

TNU – University of Sciences

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 21/02/2023 Revised: 23/3/2023 Published: 23/3/2023	Entering the 21st century, in the era of globalization, internationalization is a major factor in the development of higher education systems. In fact, there are many different views and definitions of the internationalization of higher education. Understanding the conceptual content and the reasons for internationalization of higher education is necessary for Vietnam to take the initiative and develop an action plan for the internationalization process so that it can respond more dynamically and effectively to the country's development. To clarify the research problem, the author used historical research, data collection, analysis, synthesis and logic research methods. The results of the research project show that, in the case of Vietnam, it can be understood that internationalization is the intentional process of integrating an international, intercultural, or global dimension into the purpose, functions, and delivery of post-secondary education. The reasons for the internationalization of higher education are four main reasons, including academic, economic, socio-cultural, and political diplomacy.
KEYWORDS	
Internationalization of Education	
Education	
Internationalization	
Vietnam	
Internationalization of higher education	

QUỐC TẾ HOÁ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM: KHÁI NIỆM VÀ CÁC NHÓM LÝ DO?

Nguyễn Thị Huyền Trang

Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 21/02/2023 Ngày hoàn thiện: 23/3/2023 Ngày đăng: 23/3/2023	Bước sang thế kỷ XXI, cùng với quá trình toàn cầu hóa, quốc tế hóa cũng là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của các hệ thống giáo dục đại học và trở thành xu hướng lớn. Trên thực tế, có rất nhiều quan điểm, định nghĩa khác nhau về quốc tế hóa giáo dục đại học. Việc tìm hiểu nội hàm khái niệm, nguyên nhân nào thúc đẩy quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam là cần thiết cho Việt Nam có những sự chủ động, xây dựng lộ trình và kế hoạch hành động cho quá trình quốc tế hóa để có thể đáp ứng một cách năng động hơn, hiệu quả hơn cho sự phát triển đất nước. Để làm rõ vấn đề nghiên cứu, bài viết đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu lịch sử, thu thập, phân tích tài liệu, tổng hợp, logic. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đối với Việt Nam, quốc tế hoá giáo dục đại học được xem như một quá trình có chủ đích trong việc tích hợp một khía cạnh quốc tế, đa văn hóa hoặc toàn cầu vào mục đích, chức năng và hoạt động truyền tải giáo dục sau trung học. Về mặt lý do, có bốn nhóm nguyên nhân chính thúc đẩy quá trình này bao gồm: học thuật, kinh tế, về văn hoá – xã hội và chính trị ngoại giao.
TỪ KHÓA	
Quốc tế hoá giáo dục	
Giáo dục	
Quốc tế hoá	
Việt Nam	
Quốc tế hoá giáo dục đại học	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7384>

Email: trang.nth@tnus.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế giữa các quốc gia đã và đang diễn ra sâu rộng với tốc độ chưa từng có, khoa học – công nghệ tiên bộ vượt bậc làm thay đổi nền giáo dục mỗi quốc gia nói riêng và các mối quan hệ quốc tế nói chung. Bước sang thế kỷ XXI, giáo dục đại học đã chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, cao hơn và phức tạp hơn. Hội nghị thế giới về giáo dục đại học năm 2009 do UNESCO tổ chức tại Paris đã nhận định rằng giáo dục đại học đang chuyển động dưới tác động của những động lực mới. Đó là: Sự gia tăng nhu cầu nhập học, việc đa dạng hoá các loại trường và nguồn cung ứng, hợp tác giữa các nhà trường và liên kết mạng lưới, nhu cầu học tập suốt đời, tác động của công nghệ thông tin và truyền thông, trách nhiệm xã hội của các trường đại học, sự thay đổi trong vai trò của Chính phủ [1]. Về cơ bản các động lực trên là biểu hiện cụ thể của một thế giới toàn cầu hoá trong giáo dục đại học. Theo cách nói của T. Friedman, đó là một thế giới phẳng trong đó các rào cản về địa lý, kinh tế và chính trị đang dần được dỡ bỏ. Thế giới phẳng này cũng đang làm “phẳng hoá” giáo dục nghĩa là tạo ra một sân chơi giáo dục bằng phẳng, nơi các cá nhân đều có thể học hỏi, trau dồi kiến thức, phát triển kỹ năng, và mọi quốc gia, tổ chức đều có thể tham gia cung ứng giáo dục, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh bình đẳng. Trong xu hướng đó, quốc tế hóa giáo dục đại học đã và đang dần trở thành một xu thế lớn, được nhiều hệ thống giáo dục đại học chọn lựa và coi như một điều kiện thuận lợi để phát triển, hội nhập với tri thức toàn cầu, trở thành một trong những chìa khóa, công cụ hữu hiệu cho hội nhập và phát triển, thúc đẩy mối quan hệ ngoại giao mang tính chất bền vững giữa các quốc gia.

Tại Việt Nam, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, tạo môi trường hòa bình, thuận lợi để phát triển đất nước, Việt Nam đang ngày càng hội nhập quốc tế sâu rộng trên mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục đại học. Trong xu hướng phát triển chung của thế giới và xuất phát từ nhu cầu lớn về nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc thúc đẩy hoạt động quốc tế hóa, hội nhập trong giáo dục một mặt trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là “chìa khóa”, động lực đưa giáo dục đại học Việt Nam phát triển, nhanh tiệm cận với chuẩn mực quốc tế. Mặt khác, quốc tế hóa cũng là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu ngày một khắt khe về thị trường lao động chất lượng cao và là một trong những tiêu chí hàng đầu để đánh giá chất lượng, đẳng cấp và thương hiệu của một cơ sở đào tạo. Việc tìm hiểu khái niệm và các nhóm lý do quốc tế hoá giáo dục đại học sẽ giúp cho Việt Nam có những sự chủ động, xây dựng chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, lộ trình và kế hoạch hành động cho quá trình quốc tế hóa để có thể đáp ứng một cách năng động hơn, hiệu quả hơn, trực tiếp hơn những nhu cầu của sự phát triển đất nước.

Đã có rất nhiều sách, báo, bài phát biểu, công trình nghiên cứu, hội nghị, hội thảo bàn về Giáo dục trong bối cảnh Hội nhập quốc tế của Việt Nam: Nghiên cứu về kinh nghiệm quốc tế hoá từ các quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam [2], [3]. Nghiên cứu về quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam từ quan điểm của các nhà lãnh đạo Giáo dục đại học [4]. Nghiên cứu thực trạng, cơ hội và thách thức đối với quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam [5],[6] cho thấy Việt Nam đã liên tục cải cách khung pháp lý và chính sách giáo dục đại học để hội nhập tốt hơn vào thị trường giáo dục đại học toàn cầu cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, các vấn đề và thách thức vẫn còn tồn tại, chẳng hạn như thiếu sự hợp tác và phối hợp có hệ thống ở cấp chính phủ, vấn đề giữ nhân tài và cuối cùng là vấn đề tài chính. Nghiên cứu [7] của tác giả Hans de Wit và các cộng sự đã đem lại những cách nhìn rất mới, đa dạng về thực tiễn quốc tế hóa giáo dục đại học ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh làn sóng toàn cầu hóa, quốc tế hóa diễn ra trên khắp thế giới, với sự đa dạng và phát triển không ngừng. Nghiên cứu [8] xem xét vai trò của giáo dục đại học như một bộ phận cấu thành của phát triển văn hóa, xã hội, kinh tế và chính trị, một cột trụ cho việc xây dựng và phát huy nội lực, phát triển bền vững, hòa bình và thịnh vượng của mỗi quốc gia cũng như của toàn thế giới. Nghiên cứu [9], [10] đã đề cập đến rất nhiều vấn đề như sinh viên, chương trình giảng dạy, quốc tế hóa... cũng là một nguồn tài liệu quý giá về sự phát triển của giáo dục đại học

Việt Nam. Nghiên cứu [11] đề cập rất nhiều vấn đề được quan tâm như hợp tác và cạnh tranh, nhà nước và thị trường, đánh giá quốc gia và xếp hạng quốc tế, cùng những kịch bản về các tương lai của giáo dục. Nghiên cứu [12] cung cấp cho độc giả những hiểu biết về quá trình quốc tế hóa trong các trường đại học của Việt Nam... Trên cơ sở kế thừa những kết quả đã có, bài viết tập trung nghiên cứu làm rõ nội hàm khái niệm Quốc tế hoá giáo dục đại học, phân tích những nhóm lý do, nguyên nhân thúc đẩy quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp nghiên cứu tài liệu: được dùng để nghiên cứu các công trình, sách, báo, tài liệu tham khảo để tìm hiểu các kiến thức lý luận và thực tiễn phục vụ cho nghiên cứu. Phương pháp phân tích và tổng hợp: được sử dụng để nghiên cứu các văn kiện của Đảng, chính sách của Nhà nước về Giáo dục đại học tại Việt Nam; cũng như các công trình có liên quan đến đề tài nghiên cứu. Phương pháp lịch sử và logic: sử dụng để nghiên cứu lịch sử phát triển, nội hàm khái niệm quốc tế hoá và tìm ra bản chất, tính tất yếu, quy luật vận dụng trong nghiên cứu về các lý do quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam.

3. Nội dung

3.1. Khái niệm Quốc tế hoá giáo dục đại học

Quốc tế hóa không phải là một thuật ngữ mới. Khái niệm này đã được sử dụng trong khoa học chính trị và quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, trong lĩnh vực giáo dục đó là một khái niệm tương đối mới, rộng và đa dạng. Trong hơn nửa thế kỷ qua, quốc tế hóa đã phát triển từ hoạt động bên lề trở thành một khía cạnh quan trọng. Trong lĩnh vực giáo dục, thuật ngữ quốc tế hóa xuất hiện từ những năm cuối 1980 đầu những năm 1990. Giai đoạn này, quốc tế hóa chủ yếu được định nghĩa ở cấp độ cơ sở giáo dục bao gồm một tập hợp các hoạt động. Đó là tính di động của sinh viên quốc tế, hoạt động du học, trao đổi sinh viên, trao đổi học thuật, nghiên cứu quốc tế...

Thuật ngữ quốc tế hóa giáo dục đại học ngày nay được sử dụng rộng rãi không chỉ trong các trường đại học và cao đẳng mà còn được nhắc đến nhiều trong các văn kiện quan trọng của các chính phủ và các tổ chức quốc tế, như UNESCO, Ngân hàng Thế giới và các Tổ chức Phi chính phủ (NGO) khác nhau. Năm 1999, UNESCO đã thông qua “Tuyên bố thế giới về Giáo dục đại học” tại Hội nghị quốc tế về Giáo dục đại học, một trong những nội dung của bản tuyên bố khẳng định bước vào thế kỷ 21, GDĐH đóng vai trò chưa từng có trong xã hội hiện thời với tư cách là yếu tố cơ bản của sự phát triển văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và trụ cột tăng cường năng lực nội sinh, thực thi quyền con người, sự phát triển bền vững nền dân chủ và hòa bình. GDĐH phải coi trọng tính ưu thế của các giá trị và các lý tưởng của nền hòa bình.

Bối cảnh cũng như quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học không phát triển theo những cách thức tương tự nhau hoặc cùng thời điểm với nhau ở các cơ sở giáo dục và ở các quốc gia, khu vực trên thế giới [13] dẫn đến quốc tế hóa giáo dục đại học có những cách hiểu và định nghĩa khác nhau. Quốc tế hóa giáo dục đại học có thể được tiếp cận dưới dạng các hoạt động, đặc tính, năng lực, quá trình [14]; hoặc hoạt động, năng lực, quá trình, lý do, trong nước và xuyên biên giới [15]; hoặc theo cơ sở giáo dục và quốc gia [16]; năm 2015, Hans de Wit và Hunter [17] bổ sung cách tiếp cận quốc tế hóa toàn diện, bao gồm quốc tế hóa bên trong và bên ngoài của cơ sở giáo dục/ quốc gia cho tất cả các hoạt động. Hai xu hướng này có quan hệ mật thiết với nhau. Ví dụ, việc thành lập các cơ sở chi nhánh ở các quốc gia khác và gửi sinh viên ra nước ngoài có thể là ví dụ về quốc tế hóa 'tại nhà' đối với các quốc gia tiếp nhận và quốc tế hóa 'ở nước ngoài' đối với các quốc gia gửi đi. Cần phải nhấn mạnh rằng, quốc tế hóa giáo dục đại học không chỉ đơn thuần là sự mở rộng phạm vi địa lý của các cơ sở giáo dục đại học qua biên giới quốc gia. Đây cũng là quá trình chuyển đổi bên trong của từng chủ thể để trở lên toàn cầu hơn về mọi mặt. Quốc tế hóa trở thành một thuật ngữ rộng với nhiều khía cạnh, thành phần, cách tiếp cận cũng như hoạt động khác nhau.

Vốn là khái niệm bắt nguồn từ các quốc gia phát triển. Tuy nhiên, trong những thập kỷ gần đây, quốc tế hóa giáo dục đại học đã và đang trở thành hiện tượng ở nhiều quốc gia đang phát

triển. Các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Canada, Anh, Australia... là những quốc gia có bước tiến mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục và quốc tế hóa giáo dục đại học. Hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học tại các quốc gia này bao gồm cả hoạt động quốc tế hóa bên trong và bên ngoài. Nhìn chung, quan điểm về quốc tế hóa giáo dục đại học tại các quốc gia này thiên về khía cạnh kinh tế (quốc tế hóa đảm bảo năng lực cạnh tranh kinh tế của quốc gia, giáo dục được xem là hàng hóa thương mại quốc tế và ngành giáo dục trở thành một ngành kinh tế của quốc gia) và nghiên cứu (quốc tế hóa giáo dục được định hướng nhằm nâng cao năng lực tri thức không biên giới cho người học, đáp ứng yêu cầu phức tạp của toàn cầu hóa và đảm bảo sự bền vững của các trường đại học trong tương lai). Còn đối với các quốc gia đang phát triển, đặc biệt các quốc gia đang phát triển ở châu Á, quốc tế hóa giáo dục đại học chủ yếu tập trung các hoạt động quốc tế hóa bên trong với những quan điểm: quốc tế hóa là ưu tiên hàng đầu trong lĩnh vực giáo dục của quốc gia; quốc tế hóa là chìa khóa cho phát triển kinh tế bền vững và quốc tế hóa giáo dục là điều kiện để phát triển trung tâm giáo dục quốc tế [7]. Trên thực tế, một số quốc gia bán ngoại vi trong hệ thống tri thức thế giới, như Hàn Quốc, Ấn Độ, những quốc gia vốn có truyền thống tiếp nhận những yếu tố quốc tế của nước ngoài/ của phương Tây, đã trở nên tích cực hơn trong việc giới thiệu nền giáo dục trong nước với thế giới thông qua quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học. Một số quốc gia ở khu vực ASEAN như Singapore, Malaysia, cũng có nhiều chính sách chủ động trong việc nhập khẩu các sáng kiến giáo dục trên thế giới thông qua quốc tế hóa giáo dục đại học để tự nâng cao năng lực của quốc gia, thu hút ngày càng nhiều sinh viên quốc tế đến học tập, sinh sống.

Tại Việt Nam, thuật ngữ quốc tế hóa giáo dục đại học mới xuất hiện trong những năm đầu thế kỷ XXI. Quốc tế hóa, với tư cách là một chiến lược phát triển giáo dục đại học, là một khái niệm khá mới mẻ ở Việt Nam. Chưa có định nghĩa cụ thể, thống nhất được đưa ra, hoặc được ghi nhận về vấn đề này. Nhìn chung, quốc tế hóa giáo dục đại học ở Việt Nam được hiểu là tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế và khu vực trong lĩnh vực giáo dục. Quá trình này được coi là tất yếu để cải thiện hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đối với mục đích của nghiên cứu này, “Quốc tế hóa giáo dục được xem như một quá trình có chủ đích trong việc tích hợp một khía cạnh quốc tế, đa văn hóa hoặc toàn cầu vào mục đích, chức năng và hoạt động truyền tải giáo dục sau trung học, để nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu cho tất cả sinh viên và đội ngũ học thuật, từ đó tạo ra những đóng góp có ý nghĩa cho xã hội” [16].

Về mặt nội hàm, quá trình được sử dụng để chỉ quốc tế hóa giáo dục đại học không phải là một hiện tượng tĩnh, mà là một nỗ lực liên tục, từ đầu vào đến kết quả đầu ra, diễn đạt tính chất phát triển không ngừng của khái niệm. Ngay từ ngày đầu thành lập, giáo dục đại học đã mang tính quốc tế với sự dịch chuyển không ngừng của người học, kiến thức, mô hình, hệ thống giáo dục. Quá trình này đã và đang phát triển mạnh mẽ. Thông qua các quá trình này, mục đích nâng cao hiệu quả của giáo dục có thể đạt được, và sứ mệnh của giáo dục đại học sẽ được thực hiện tốt hơn. Tính năng có mục đích của quá trình quốc tế hóa đã được thêm vào khái niệm. Khi khía cạnh quốc tế của giáo dục đại học thu hút được nhiều sự chú ý và nhìn nhận lại, mọi người có xu hướng sử dụng nó theo cách phù hợp nhất với mục đích của họ [18]. Điều này hoàn toàn phù hợp khi xét đến sự gia tăng hơn nữa của các hoạt động và cũng như các chủ thể tham gia. Theo De Wit & Hunter (2015), quốc tế hóa giáo dục đại học cần góp phần đổi mới cách dạy, học, nghiên cứu và sự tham gia của người dân. Thuật ngữ quốc tế, liên văn hóa và toàn cầu ở đây có thể sử dụng với ý nghĩa là các mối liên hệ giữa các quốc gia, các nền văn hóa khác nhau trên phạm vi toàn thế giới. Trên thực tế, có sự tồn tại rất đa dạng của các nền văn hóa khác nhau trong một cộng đồng, quốc gia, vì vậy thuật ngữ liên văn hóa được sử dụng để lý giải cho các hoạt động quốc tế hóa trong nước. Các thuật ngữ này bổ sung cho nhau và đem lại cách hiểu phong phú cả về chiều rộng cũng như chiều sâu cho quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học. Thuật ngữ tích hợp được sử dụng để diễn đạt quá trình truyền tải hoặc lồng ghép, tiếp nhận và dung hoà các khía cạnh quốc tế, liên văn hóa vào chính sách của quốc gia hoặc chương trình giáo dục đại học cụ thể. Mục đích, chức năng và hoạt động truyền tải giáo dục đại học được sử dụng cùng nhau đề cập đến vai trò và mục tiêu tổng thể mà giáo dục đại học có thể đóng góp đối với một quốc gia,

khu vực, cụ thể hơn là sứ mệnh hoặc nhiệm vụ của các cá nhân hoặc tổ chức. Với cách hiểu này, chúng ta có thể xem xét quốc tế hóa giáo dục đại học dưới góc độ rộng lớn hơn đó là quốc gia, dân tộc đồng thời cũng lý giải được quá trình này là một hiện tượng phức tạp, nhiều khía cạnh, một phương tiện để đạt được những mục tiêu rộng lớn hơn, hay nói cách khác, nó là nguồn lực quan trọng để giáo dục đại học hướng tới, trước hết là hệ thống giáo dục đại học đạt chuẩn quốc tế và rộng lớn hơn là đóng góp cho quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hiện nay.

Có thể nói, khái niệm này mang tính phổ quát và toàn vẹn nhất định, có thể áp dụng đối với Việt Nam nói riêng và nhiều quốc gia, nhiều nền văn hóa và các hệ thống giáo dục khác nhau và có thể sử dụng để so sánh giữa các quốc gia, khu vực trên thế giới. Các bên liên quan đến quá trình này có thể kể đến các tổ chức quốc tế, chính phủ các quốc gia, khu vực, các cơ sở giáo dục đại học, các đơn vị trực thuộc trường đại học, giảng viên, sinh viên. Không có một mô hình cụ thể nào cho tất cả. Các tổ chức giáo dục đại học tham gia vào quá trình quốc tế hóa vì nhiều lý do, bao gồm các lý do kinh tế, chính trị, văn hóa và giáo dục [14, tr. 5-32].

3.2. Lý do thúc đẩy quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học ở Việt Nam

Hans de Wit [18, tr. 14] nhận định: “khi khía cạnh quốc tế của giáo dục đại học được chú ý và công nhận nhiều hơn, mọi người có xu hướng sử dụng theo cách phù hợp nhất với mục đích của họ”. Tìm hiểu về các lý do hoặc động lực chính là để trả lời cho câu hỏi tại sao phải quốc tế hóa giáo dục đại học, góp phần hiểu rõ hơn về ý nghĩa chính xác của quốc tế hóa, và làm thế nào để tích hợp các khía cạnh quốc tế vào các sứ mệnh cốt lõi của giáo dục đại học [19]. Bất kỳ kế hoạch quốc tế nào cũng bao gồm các chiến lược quốc tế, đồng thời phải phản ánh các đặc điểm cũng như mong đợi của chủ thể tham gia và của quốc gia [20].

Theo Knight [15, tr. 23], [16, tr. 25] và Hans de Wit [18, tr. 223], có thể chia ra 04 nhóm lý do:

- o Nhóm lý do chính trị: chính sách đối ngoại, an ninh quốc gia, hỗ trợ kỹ thuật, hòa bình và hiểu biết lẫn nhau, bản sắc dân tộc và bản sắc khu vực.

- o Nhóm lý do về kinh tế: tăng trưởng kinh tế và khả năng cạnh tranh, thị trường lao động, khuyến khích tài chính và đòi hỏi của nền giáo dục quốc dân.

- o Nhóm lý do học thuật: khía cạnh quốc tế trong nghiên cứu và giảng dạy, mở rộng học thuật, xây dựng tổ chức, củng cố hồ sơ, vị thế và danh tiếng, nâng cao chất lượng và tiêu chuẩn học thuật quốc tế.

- o Nhóm lý do văn hóa – xã hội: hiểu biết liên văn hóa và năng lực liên văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền công dân, phát triển xã hội và cộng đồng.

Những lý do này không bao hàm lẫn nhau, thường có tầm quan trọng khác nhau đối với các bên liên quan khác nhau và có thể thay đổi mức độ ưu tiên theo thời gian, theo từng chủ thể [18].

Tại Việt Nam, kể từ khi thành lập đến nay, Việt Nam luôn kiên trì đường lối đối ngoại xuất phát từ lợi ích quốc gia – dân tộc trong sự gắn kết với xu thế thời đại và bối cảnh thế giới. Ba mục tiêu chính của nền ngoại giao Việt Nam qua các thời đại từ xưa đến nay gồm có: thứ nhất là giành, giữ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; thứ hai là tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi để kiến quốc; thứ ba là không ngừng nâng cao vị thế của mình trong khu vực và trên thế giới.

Bước sang thế kỷ XXI, ba mục tiêu này vẫn còn nguyên giá trị, trong đó nổi lên hàng đầu là nhiệm vụ đảm bảo môi trường quốc tế thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đối ngoại của Việt Nam đang được phát triển từ chiều rộng đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững. Định hướng này không chỉ là chính sách đối ngoại thuần túy mà đòi hỏi đất nước phải chủ động, sử dụng linh hoạt các nguồn lực và công cụ ngoại giao khác nhau để triển khai thắng lợi chính sách này.

Nắm bắt xu thế toàn cầu, Việt Nam đã hội nhập hoàn toàn với nền kinh tế khu vực và thế giới, tích cực tham gia nhiều tổ chức khu vực và quốc tế khác nhau. Theo đó, ngoại giao truyền thống cũng được mở rộng ra nhiều lĩnh vực, đối tượng khác nhau, trong đó, vai trò của giáo dục đại học và quốc tế hóa giáo dục đại học cũng được nâng lên, mở rộng mối liên kết quốc tế và tăng cường tin cậy giữa Việt Nam và bạn bè quốc tế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to, tiếng mới lớn” [21]. Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam còn đang gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế. Tuy nhiên, Ngoại giao Việt Nam luôn vận dụng tốt và biết kết hợp nhiều yếu tố tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia, kết hợp sức mạnh vật chất với sức mạnh tinh thần, kết hợp sức mạnh vốn có với sự đồng tình ủng hộ của bạn bè quốc tế. Kết hợp ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân... Và trong mọi tình huống, hoạt động ngoại giao của nhà nước luôn được gắn kết chặt chẽ với hoạt động quốc tế của Đảng và hoạt động đối ngoại của mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có sự tham gia mạnh mẽ của lĩnh vực giáo dục.

Trong nền kinh tế tri thức toàn cầu, khi chúng đảm nhận vai trò trung gian trong các mối quan hệ xuyên quốc gia và dòng người, thông tin, tri thức, công nghệ, sản phẩm và vốn tài chính. Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đại học, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã sớm quan tâm, thúc đẩy phát triển đổi mới giáo dục đại học theo xu hướng toàn cầu. Sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và các chính sách phát triển của Nhà nước đối với hội nhập giáo dục đại học Việt Nam đã có tác động tích cực trong việc thúc đẩy và thực hiện có hiệu quả quá trình quốc tế hóa, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Hội nhập quốc tế được khẳng định là một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục. Quan điểm này được thể hiện xuyên suốt qua các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, quy định pháp luật theo hướng cởi mở, giao tiếp và hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho thúc đẩy hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học, bao gồm: Luật giáo dục năm 2005, Luật giáo dục sửa đổi năm 2009, Luật giáo dục đại học năm 2012 và Luật giáo dục năm 2019. Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo giảng viên có trình độ Tiên sĩ cho các Trường Đại học, Cao đẳng giai đoạn 2010-2020” với mục tiêu đến năm 2020, đào tạo bổ sung được ít nhất 20.000 tiến sĩ, trong đó khoảng 10.000 tiến sĩ ở nước ngoài tại các Trường Đại học có uy tín trên thế giới; Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010; Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020; Nghị quyết 29-NQ-TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo của Bộ Chính trị; Đề án đổi mới giáo dục Đại học Việt Nam 2006 – 2010; Nghị quyết 14/2005/NQ-CP của Chính phủ - “Đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục Đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020”,... Xuyên suốt quan điểm chỉ đạo của Nhà nước xác định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với nghiên cứu này, trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu, phân tích chính sách, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, một số động lực lựa chọn phù hợp với Việt Nam, một quốc gia đang phát triển gồm có (bảng 1):

Bảng 1. Các lý do/ động lực để quốc tế hóa giáo dục đại học

STT	Các lý do	Nội dung
1	Chính trị	Phát triển quan hệ đối tác chiến lược và liên minh với các đối tác nước ngoài Tạo doanh thu và đa dạng hóa các nguồn tài chính
2	Kinh tế	Để tăng khả năng cạnh tranh Để đáp ứng nhu cầu nền kinh tế quốc dân Đáp ứng nhu cầu thị trường châu Á và toàn cầu Để nâng cao chất lượng giáo dục Để tăng cường chất lượng nghiên cứu Để phát triển và đổi mới chương trình giảng dạy
3	Học thuật	Để cải thiện vị trí và danh tiếng quốc tế Hạn chế chảy máu chất xám Tiếp cận kiến thức và công nghệ mới Phát triển nguồn nhân lực
4	Văn hóa – Xã hội	Để thúc đẩy nhận thức giữa các nền văn hóa và sự hiểu biết lẫn nhau Để quảng bá văn hóa và giá trị dân tộc

Thứ nhất, động lực về kinh tế, đề cập đến các động lực liên quan đến hiệu quả kinh tế lâu dài. Những mục tiêu về tăng trưởng, cạnh tranh của nền kinh tế, thị trường lao động toàn cầu, động cơ tài chính, hay các cuộc cách mạng công nghiệp chính là những động lực mạnh mẽ tác động đến mục tiêu và thực tiễn triển khai quốc tế hoá giáo dục đại học. Với điều kiện phát triển hiện nay, mặc dù mục tiêu quốc tế hoá giáo dục đại học không trực tiếp như làm tăng, tạo doanh thu đa dạng từ giáo dục đại học bằng cách thu hút sinh viên quốc tế đến học tập như ở một số quốc gia ở châu Âu, châu Mỹ, châu Úc. Tại Việt Nam, một trong những mục tiêu quan trọng nhất của quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học trong nước là tạo ra nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ kỹ thuật tiên tiến góp phần nâng cao năng lực quốc gia và cạnh tranh quốc tế. Quốc tế hóa giáo dục đại học được xem là nền tảng thu hẹp khoảng cách chất lượng nhân lực, góp phần nâng cao chất lượng và trải nghiệm học tập toàn cầu, giúp thúc đẩy quá trình hội nhập của giáo dục đại học Việt Nam trong khu vực và trên thế giới, từ đó mang lại tiềm năng nghề nghiệp cho sinh viên, phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Thứ hai, động lực về học thuật, bao gồm những động lực liên quan đến mục tiêu, chức năng của giáo dục đại học. Mục tiêu quan trọng để thúc đẩy quá trình này là nhằm đạt được các tiêu chuẩn học thuật quốc tế phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy trong nước và do đó, sẽ góp phần nâng cao chất lượng của hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam. Đặc biệt, đặt trong xu hướng chung là tăng cường hợp tác trong nghiên cứu và giảng dạy, nâng cao danh tiếng các cơ sở giáo dục đại học. Bối cảnh này đặt ra yêu cầu cho hệ thống giáo dục Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động hợp tác học thuật quốc tế, tiếp thu tri thức của nhân loại. Quốc tế hóa cho phép các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam có thể điều chỉnh các chương trình giảng dạy theo các tiêu chuẩn quốc tế và phát triển các chương trình liên kết với các đối tác nước ngoài, một mặt mang lại cho sinh viên trong nước nhiều cơ hội lớn hơn, mặt khác góp phần thu hút sinh viên nước ngoài đến với Việt Nam. Không chỉ vậy, quốc tế hoá còn là một tác nhân tích cực cho việc phát triển thể chế, chức năng của các cơ sở giáo dục đại học, là chất xúc tác trong quá trình hoạch định chính sách, nâng cao hệ thống cơ sở hạ tầng, năng lực quản lý, kỹ thuật tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước. Quốc tế hóa cũng là điều cần thiết để giúp các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam có thể bổ sung nguồn lực, kỹ năng, kiến thức trong khoa học, nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp sáng tạo và cùng ứng phó với những thách thức toàn cầu hiện nay như dịch bệnh, biến đổi khí hậu.... Bên cạnh đó, việc phát triển các khía cạnh quốc tế còn góp phần giúp Việt Nam tránh chủ nghĩa phân biệt trong học thuật và nghiên cứu trên thế giới. Theo đó, các cơ sở giáo dục đại học trong nước có thể mở rộng học thuật, củng cố thể chế, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo trên cơ sở phát triển những mối liên hệ tương tác, hợp tác với bên ngoài. Cuối cùng, một trong những mục tiêu quan trọng của quá trình quốc tế hoá là cải thiện và nâng cao vị thế, tiến tới đạt được sự công nhận quốc tế đối với các cơ sở giáo dục đại học. Do vậy, đây chính là một khía cạnh quan trọng để Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa quá trình quốc tế hóa.

Thứ ba, động lực về văn hóa - xã hội, tập trung vào vai trò của văn hóa, ngôn ngữ mỗi quốc gia và tầm quan trọng của việc hiểu biết, nắm bắt được các yếu tố này. Quốc tế hóa được coi như một cách các quốc gia trong đó có Việt Nam tôn trọng sự đa dạng văn hóa, song song với quá trình bảo tồn, phát huy văn hóa của dân tộc, cân bằng sự tác động của quá trình toàn cầu hóa. Việc thừa nhận sự đa dạng về văn hóa và sắc tộc trong và giữa các quốc gia được coi là cơ sở lý luận vững chắc cho việc quốc tế hóa hệ thống giáo dục của một quốc gia [22]. Căn cứ vào nhu cầu ngày càng tăng về việc tăng cường sự hiểu biết và giao tiếp với các nền văn hóa khác nhau, nhu cầu trang bị cho sinh viên những nền tảng kiến thức và kỹ năng liên văn hóa vững vàng là một trong những động lực mạnh mẽ để thúc đẩy quá trình quốc tế hóa tại Việt Nam giai đoạn 2001 – 2020. Quốc tế hóa cũng được kỳ vọng sẽ góp phần đào tạo ra những công dân năng động và cởi mở có thể làm việc trong các môi trường đa văn hóa, để đáp ứng cho một bối cảnh thế giới phẳng ngày nay. Khía cạnh văn hoá – xã hội của Việt Nam được đặt trong bối cảnh chung của quá trình hội nhập và toàn cầu hoá. Để gìn giữ văn hoá truyền thống của quốc gia, Việt Nam cần

chủ động giới thiệu, quảng bá những bản sắc, giá trị, đất nước, con người với thế giới thông qua các hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học.

Thứ tư, động lực về chính trị, ngoại giao. Trong nền kinh tế tri thức toàn cầu, các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cũng đóng vai trò quan trọng hơn bao giờ hết với tư cách là phương tiện cho một loạt các mối quan hệ xuyên biên giới và các dòng chảy toàn cầu liên tục của con người, thông tin, tri thức, công nghệ, sản phẩm và nguồn lực tài chính. Mục tiêu về tăng cường hiểu biết về hoà bình, đẩy mạnh chính sách đối ngoại với các quốc gia trên thế giới đã đặt ra yêu cầu cho hệ thống giáo dục đại học Việt Nam cần hướng đến quốc tế hoá hơn nữa. Thông qua rất nhiều các hoạt động hợp tác, trao đổi, liên kết... là những tiền đề giúp mở rộng mối quan hệ, nâng cao hiểu biết, duy trì quan hệ ngoại giao tích cực và cải thiện hình ảnh đất nước, con người Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế.

Giáo dục được coi là một kênh giao lưu văn hóa hết sức hiệu quả, giúp nhân dân các quốc gia trên thế giới hiểu biết về Việt Nam, gia tăng sự tin tưởng lẫn nhau. Thông qua các hoạt động hợp tác, trao đổi giáo dục, Việt Nam mong muốn thể hiện được bản sắc và đặc trưng văn hóa riêng của quốc gia. Gỡ bỏ các rào cản văn hóa, sự hiểu biết lẫn nhau chính là “viên gạch” đầu tiên cho các hoạt động hợp tác khác. Theo đó, quốc tế hoá giáo dục được coi là một công cụ hữu ích cho chính sách đối ngoại đặc biệt liên quan đến an ninh quốc gia và mối quan hệ giữa các quốc gia. Không chỉ riêng với Việt Nam, với nhiều quốc gia trên thế giới, quốc tế hoá giáo dục đại học được coi là một hình thức đầu tư ngoại giao chiến lược cho các mối quan hệ chính trị và kinh tế trong tương lai vì cho phép nước sở tại chia sẻ kiến thức cũng như củng cố hình ảnh quốc gia tích cực tới sinh viên quốc tế. Bên cạnh đó, các thỏa thuận hợp tác trong giáo dục cũng được coi là tiền đề để thiết lập hoặc củng cố thêm mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các quốc gia đối tác. Đã có sự gia tăng nhận thức về việc khái niệm “quốc tế hóa” không chỉ tác động đến quan hệ giữa các quốc gia, mà hơn thế, còn ảnh hưởng đến quan hệ giữa các nền văn hóa ở cấp độ toàn cầu và địa phương. Lợi ích kinh tế và chính trị ngày càng trở thành động lực chính khi Việt Nam ban hành nhiều chính sách liên quan đến quốc tế hóa giáo dục đại học trong một thế giới ngày càng liên kết và phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn.

4. Kết luận

Trên thực tế, có rất nhiều quan điểm, định nghĩa khác nhau về quốc tế hóa giáo dục đại học. Đối với Việt Nam, có thể hiểu “Quốc tế hóa giáo dục đại học là quá trình mà ở đó, khía cạnh quốc tế, liên văn hóa và toàn cầu được tích hợp vào mục đích, chức năng và việc cung cấp giáo dục đại học ở cấp độ thể chế và quốc gia”. Quốc tế hóa có thể được coi là chìa khóa giúp cho các cơ sở giáo dục đại học xây dựng thương hiệu của mình trong nước cũng như quốc tế. Đạt được những mục tiêu này, một cách gián tiếp hay trực tiếp, các cơ sở giáo dục đại học cũng sẽ góp phần vào phát triển quan hệ quốc tế của nước sở tại với tư cách là chủ thể độc lập của mình. Bên cạnh đó, quốc tế hóa còn được coi là phương tiện để nâng cao hiểu biết và kỹ năng quốc tế, hiểu biết đa văn hóa cho sinh viên và giảng viên. Điều này đặc biệt ý nghĩa trong bối cảnh khi trên thế giới đã và đang xảy ra nhiều cuộc xung đột văn hóa quốc gia, khu vực. Việc giúp người học có thêm kiến thức, hiểu thêm về các vấn đề toàn cầu, các mối quan hệ quốc tế, các kiến thức liên văn hóa là cần thiết cho tất cả các quốc gia trong một môi trường quốc tế đa dạng và đa văn hóa như hiện nay. Trên cơ sở đó, quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam được kỳ vọng sẽ mang lại 04 mục tiêu quan trọng: về học thuật, về kinh tế, về văn hoá – xã hội và về chính trị ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và hội nhập kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, các lý do thúc đẩy quốc tế hóa giáo dục đại học khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức, các chính phủ, các quốc gia. Rõ ràng là đối với những quốc gia khác nhau, những nhân tố sẽ đóng một vai trò quan trọng khác nhau. Xét trên bình diện quan hệ quốc tế, điều quan trọng là các cá nhân, tổ chức hay quốc gia cần phải phân tích được tính đa dạng hoặc đồng nhất của các động cơ này, xây dựng chính sách phù hợp với mục tiêu chung, củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] UNESCO, *World Conference on Higher Education 2009 Final Report*, Paris, July 05-08, 2009.
- [2] T. T. T. Le, "Internationalising Higher education – Experience of some Asian countries and lessons for Vietnam," *Journal of Scientific Research of Trade Union University*, no. 24, pp. 68-78, 2022.
- [3] M. D. Tran, N. H. Le, V. B. N. Phung, and T. A. Mai, "Internationalising Higher education – Experience of some countries in the world: lessons for Vietnam," *Asian Business and Economic Research Journal*, no. 3, pp. 42-65, 2021.
- [4] D. P. Nguyen, M. Vickers, T. M. C. Ly, and M. D. Tran, "Internationalizing Higher Education (HE) in Vietnam: Insights from Higher Education leaders – an exploratory study," *Education + Training*, vol. 58, no. 2, pp. 193-208, 2016, doi: 10.1108/ET-08-2015-0072.
- [5] T. T. Tuyet, "Internationalization of higher education in Vietnam: current situations, policies, and challenges," *VNU Journal of Science: Foreign Studies*, vol. 30, no. 3, pp. 61-69, 2014.
- [6] J. H. Ryu and A. T. Nguyen, "Internationalization of higher education in Vietnam: current situations, policies, and challenges," *International Journal of Comparative Education and Development*, vol. 23, no. 3, pp. 227-241, 2021, doi: 10.1108/IJCED-10-2020-0074.
- [7] H. de Wit, J. Gacel-Ávila, E. Jones, and N. Jooste, *The Globalization of Internationalization Emerging Voices and Perspectives*, Routledge, January 20, 2017.
- [8] A. T. Nguyen, "Internationalization of higher education in the context of globalization," *The 7th Women's Science Conference*, Hanoi, 2002, pp. 494-504.
- [9] S. Marginson et al, *Higher Education in Vietnam: Flexibility, Mobility and Practicality in the Global Knowledge Economy*, Palgrave Studies in Global Higher Education, Palgrave Macmillan, 2014.
- [10] T. T. Ly and S. Marginson, *Internationalisation in Vietnamese Higher Education*, Springer Cham, 2018.
- [11] L. H. Pham and D. N. T. Pham, *International integration of Vietnam's Education*. VNU Publishing House, Ho Chi Minh City, 2014.
- [12] T. P. T. Nguyen, "The Internationalisation of Higher Education in Vietnamese Universities," PhD Dissertation, Doctor of Philosophy of the University of Portsmouth, 2018.
- [13] A. Aerden, F. D. Decker, J. Divis, M. Frederiks, and H. de Wit, "Assessing the internationalisation of degree programmes: experiences from a Dutch-Flemish pilot certifying internationalization," *Compare: A Journal of Comparative and International Education*, vol. 43, no. 1, pp. 56-78, 2013.
- [14] J. Knight and H. de Wit, "Strategies for internationalisation of higher education: historical and conceptual perspectives. in de Wit (Ed.) *Strategies for internationalisation of higher education*," *Amsterdam: European Association of International Education (EAIE)*, 1995, p. 16.
- [15] J. Knight, "Internationalization Remodelled: Definition, Approaches, and Rationales," *Journal of Studies in International Education*, vol. 8, no. 1, pp. 5-31, 2004.
- [16] J. Knight, "Higher Education in Turmoil, The Changing World of Internationalization," 2008. [Online]. Available: <https://www.sensepublishers.com/media/475-higher-education-in-turmoil.pdf>. [Accessed January 15, 2023].
- [17] H. De Wit and F. Hunter, "The future of internationalization of higher education in Europe," *International Higher Education*, vol. 83, pp. 2-3, 2015.
- [18] H. De Wit, *Internationalisation of Higher Education in the United States of America and Europe: A Historical, Comparative, and Conceptual Analysis*, Westport, Greenwood Press, 2002.
- [19] N. V. Ralyk, *Integrating internationalisation into higher education: Reconceptualising the "Why", "What", and "How"*, Los Angeles: Sage, 2008.
- [20] L. K. Childress, "Internationalisation Plans for Higher Education Institutions," *Journal of Studies in International Education*, vol. 13, no. 3, pp. 289-309, 2009.
- [21] *Ho Chi Minh Complete works*, vol. 4, Truth National Political Publishing House, 2011, p. 3.
- [22] J. Knight, "A Shared Vision? Stakeholders' Perspectives on the Internationalization of Higher Education in Canada," *Journal of Studies in International Education*, vol. 1, pp. 27-44, 1997.